

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN T  
TỈNH Q**

Bản án số: 158/2022/HNGĐ-ST.

Ngày 20/6//2022

Về việc: “Xin ly hôn, con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH Q**

***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- *Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trần Mai Hùng.

- *Các Hội thẩm nhân dân:*

+ Ông Nguyễn Công Phúc

+ Ông Lưu Văn Thảo

- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Nga.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Ngọc Lan.

Ngày 20 tháng 6 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân & gia đình thụ lý số: 299/2021/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 11 năm 2021 về tranh chấp: “*Xin ly hôn, con chung*”; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 30/2022/QĐXX-ST ngày 04 tháng 5 năm 2022 và quyết định hoãn phiên tòa số 32/2022 ngày 20.5.2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thu S, sinh năm: 1995.

Trú tại: Tổ 1, thôn M, xã Bình T, huyện T, Q

- Bị đơn: Anh Trần Thái T, sinh năm 1992.

Trú tại: Tổ 2, thôn Bàu B, xã B, huyện T, tỉnh Q.

**NỘI DUNG VỤ ÁN**

*\* Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Sang trình bày:*

Về quan hệ hôn nhân: Chị S và anh Trần Thái T tự nguyện tìm hiểu trong vòng 01 năm thì đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình b, huyện T. Thời gian ban đầu thì giữa hai vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian 01 năm trở lại đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Mỗi khi xảy ra cãi vã giữa hai vợ chồng thì anh T

thường đập phá đồ đạc và hăm dọa đánh chị. Sự việc cứ thường xuyên xảy ra nên dần dần giữa hai vợ chồng không còn tình cảm với nhau. Vợ chồng ly thân đã 06 tháng nay, không ai quan tâm đến ai. Nay chị S nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên mong Tòa giải quyết cho chị được ly hôn

*Về con chung:* Trong quá trình chung sống giữa hai vợ chồng có 01 con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 08.8.2016. Hiện nay chị S yêu cầu Tòa án nhân dân huyện T giải quyết theo pháp luật về việc nuôi con chung trong thời kỳ hôn nhân của hai vợ chồng, chị S xin nhận nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

*Về tài sản chung:* Không có, không yêu cầu giải quyết.

*Về nợ chung:* Không có không yêu cầu giải quyết.

\* *Bị đơn anh Trần Thái T:* Mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ các văn bản tố tụng đã tổng đạt cho người thân trong gia đình nhưng anh vẫn không phối hợp làm việc. Do đó Tòa án không có lời khai của anh trong quá trình giải quyết vụ án.

\* *Tại phiên tòa Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:*

*Về thủ tục tố tụng:* Trong quá trình thụ lý giải quyết vụ án đến thời điểm HĐXX nghị án, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, tạo điều kiện cho các đương sự thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Đối với các đương sự; phía nguyên đơn đã chấp hành đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Về phía bị đơn Tòa án đã tiến hành giao nhận các văn bản tố tụng theo trình tự quy định của pháp luật nhưng anh T cố tình trốn tránh không đến Tòa để làm việc coi như từ bỏ quyền lợi của mình nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 BLTTDS đề nghị HĐXX xét xử vắng mặt bị đơn.

*Về nội dung vụ án:* Hôn nhân của chị S, anh T là hoàn toàn tự nguyện, không có ai ép buộc. Chị S và anh Trần Thái T tự nguyện tìm hiểu trong ngắn thì đi đến kết hôn trên tinh thần tự nguyện vào năm 2015 và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình B, huyện T. Thời gian ban đầu thì giữa hai vợ chồng sống hạnh phúc, nhưng thời gian 01 năm trở lại đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Mỗi khi xảy ra cãi vã giữa hai vợ chồng thì anh T thường đập phá đồ đạc và hăm dọa đánh chị. Xét thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng chị S và anh T đã trầm trọng, cuộc sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, bản thân anh T và chị S không sống chung chị về nhà ba, mẹ ruột tại Bình T để sinh sống. Phần anh T thì vẫn ở với gia đình tại Bình B, không có trách nhiệm quan tâm, chăm sóc lẫn nhau theo đúng nghĩa vợ chồng, nên yêu cầu xin ly hôn của chị Sang là phù hợp với pháp luật. Do vậy, đề nghị HĐXX căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân & Gia đình xử cho chị Sang ly hôn với anh Tiên. *Về con chung:* Đề nghị HĐXX giao con chung Trần Thị Th, sinh ngày 08.8.2016 cho chị S nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014 vì cháu Th từ trước đến nay do chị S chăm sóc, hiện còn nhỏ bản

thân chị S có thu nhập ổn định đủ điều kiện để nuôi con chung. Sau khi ly hôn chị S xin được nuôi con chung và không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên không xem xét. *Về tài sản chung và nợ chung*: Chị S khai không có nên đề nghị HĐXX không xem xét.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Việc chị Phạm Thị Thu S xin ly hôn và tranh chấp về nuôi con với anh Trần Thái Tiên thuộc tranh chấp về hôn nhân gia đình quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; đồng thời bị đơn Trần Thái T có nơi cư trú tại huyện T nên thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân huyện T. Trong quá trình Tòa án giải quyết đã triệu tập, tổng đạt hợp lệ theo Điều 177 và 179 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nhưng bị đơn anh T đã vắng mặt trong các buổi làm việc và tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do chính đáng. Vì vậy, căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án: Chị S, anh T tự nguyện tìm hiểu nhau trong thời gian 01 năm, yêu thương nhau sau đó đi đến kết hôn vào năm 2015, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Bình B, T, Q trên tinh thần tự nguyện, không có ai ép buộc và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn. Như vậy, thấy rằng việc hôn nhân của anh, chị là hoàn toàn tự nguyện, không bị ai ép buộc, lừa dối và theo đúng pháp luật nên được pháp luật thừa nhận.

Sau khi kết hôn, hai vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn. Khoảng thời gian 01 năm trở lại đây giữa hai vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, bất đồng. Mỗi khi xảy ra cãi vã giữa hai vợ chồng thì anh T thường đập phá đồ đạc và hăm dọa đánh chị. Trong quá trình giải quyết Tòa án cũng tạo điều kiện cho hai vợ chồng hàn gắn, tuy nhiên giữa hai anh chị vẫn sống ly thân và ở hai nơi khác nhau. HĐXX thấy rằng cuộc sống chung của 2 anh chị không hạnh phúc, vợ chồng vẫn sống riêng ở hai nơi khác nhau nên HĐXX thấy cần phải chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị S, xử cho chị S ly hôn với anh T.

[3] Về con chung: Có một con chung là Trần Thị Th, sinh ngày 8.8.2016, cháu Thư hiện còn nhỏ từ trước đến nay đang ở ổn định với chị S do đó tiếp tục giao con cho chị S nuôi con là phù hợp. Sau khi ly hôn chị S không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung nên HĐXX không xem xét.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị S khai không có nên HĐXX không xét.

[5] Về án phí: Xử buộc chị Phạm Thị Thu S phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

### **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình Việt Nam năm 2014.

[1] **Về quan hệ hôn nhân:** Xử: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Phạm Thị Thu S. Xử cho chị Phạm Thị Thu S và anh Trần Thái T ly hôn.

[2] **Về con chung:** Xử: Giao cho chị Phạm Thị Thu S trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là Trần Thị Th, sinh ngày 8.8.2016 đến 18 tuổi trưởng thành.

Chị Sang không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con nên không xét.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền thăm nom chăm sóc giáo dục con. Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[3] **Về án phí HNGĐ.ST:** Xử buộc chị Phạm Thị Thu S phải chịu 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng), số tiền này được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng) mà chị S đã nộp theo biên lai thu số 0005625 ngày 12/11/2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Q
- VKSND huyện T
- Cơ quan THADS huyện T
- Tư pháp xã Bình B; T
- Các đương sự
- Lưu hồ sơ

**T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ**  
**Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**

Đã ký và đóng dấu

**Trần Mai Hùng**